

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **142/2019/DS-PT**

Ngày: 14 - 11.- 2019

V/v tranh chấp đòi lại quyền
sử dụng đất bị lấn chiếm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: 1/. Ông Phạm Hùng Nuôi.

2/. Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Mã Quế Khanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 212/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 173/2019/QĐPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông M. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M: Luật sư M1 - Văn phòng Luật sư M1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: ấp C1, xã B1, huyện A1, tỉnh Sóc Trăng. (vào sổ đăng ký bảo vệ ngày 31-10-2019, có mặt)

- Bị đơn: Ông N. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông N: Bà P. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (theo văn bản ủy quyền ngày 02-11-2018, có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N: Ông N1 - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở tư pháp tỉnh

Sóc Trăng. Địa chỉ: ấp C2, xã B2, huyện A2, tỉnh Sóc Trăng. (Vào sổ đăng ký bảo vệ ngày 29-10-2019, có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Q. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Q: Ông M. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (theo văn bản ủy quyền ngày 23-10-2019, có mặt)

2. Bà P. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Ông O. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

4. Bà R. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 27-02-2017 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông M trình bày:* Ông M có 02 thửa đất tổng diện tích 9.100m² gồm thửa 552 diện tích 3.740m² và thửa 551 diện tích 5.360m², cùng tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, do ông M đứng tên quyền sử dụng đất. 02 thửa này nằm liền kề với nhau, tiếp giáp và nằm song song với 02 thửa đất này là đất ông N, giữa phần đất của ông M và phần đất của ông N có 01 cái bờ làm ranh đất có chiều ngang khoảng 01m, chiều dài khoảng 150m, nằm cặp cái bờ là con đường mương nước nằm bên phần đất ông M, ông M đào để bơm nước vào ruộng chiều ngang con mương khoảng 1,4m và chiều dài khoảng 150m. Do ông N cứ danh bờ dần rồi lấn sang phần đất của ông M, nên vào khoảng tháng 10-2010 ông M cùng ông N có thống nhất cắm 05 trụ đá chính giữa cái bờ và phân định từ phía trụ đá trở về con mương là phần đất của ông M và phần phía bên kia trụ đá là phần đất của ông N, từ trụ đá tính ra mỗi bên sở hữu khoảng 0,5m bờ, 05 trụ đá này nằm theo 01 đường thẳng bắt đầu từ thửa 552 kéo dài đến hết thửa 551 theo hướng từ mé sông hướng lên ruộng. Tuy nhiên, sau đó ông N tiếp tục danh bờ lấn đất đến cặp trụ đá (trụ đá đã lòi ra) làm phần bờ phía bên ông N không còn nữa mà chỉ còn phần bờ nằm phía bên của ông M, đồng thời vào ngày 03-6-2016 ông N còn tiếp tục danh bờ và tiếp tục lấn sang phần bờ của ông M theo hình vòng cung, ông N còn cắm thêm 02 trụ đá vào khoảng giữa trụ thứ 04 và trụ thứ 05 từ mé sông tính lên mà không thông qua ý kiến của ông M, diện tích đất ông N danh bờ lấn chiếm sang phần đất của ông M ở trụ đá số 04 và trụ đá số 05 có chiều dài khoảng 134m, bán kính chiều ngang lớn nhất khoảng 0,4m, đi qua thửa 551 và thửa 552, cụ thể như sau: Phần một thửa 551 ông N danh bờ lấn sang phần đất của ông M có chiều dài khoảng 117m và chiều ngang khoảng 0,4m, tổng diện tích lấn chiếm là 46,8m²; Phần hai thửa 552 ông N danh bờ lấn sang phần đất của ông M có chiều dài khoảng 17m và chiều ngang khoảng 0,4m, tổng diện tích lấn chiếm là 6,8m². Nay ông M yêu cầu ông N phải trả lại cho ông 02 phần đất đã lấn chiếm nêu trên.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà P đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông N trình bày: Vào năm 1980 cha ông N là ông S cho lại vợ chồng ông N, bà P phần đất diện tích 8,7 công tằm cấy thuộc thửa 549 và thửa 550 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này giáp ranh với phần đất của ông M. Đến năm 1995, ông M có đào mương làm ranh đất giữa hai bên, thời điểm này vợ chồng bà có cặm 07 trụ đá làm ranh giới với phần đất ông M, hiện nay các trụ đá cặm ranh vẫn còn. Nay phía ông M cho rằng gia đình ông N, bà P lấn chiếm đất của ông M tại thửa 551 với diện tích 46,8m² và tại thửa 552 với diện tích 6,8m² là không đúng. Phần đất tranh chấp vợ chồng ông N, bà P đã quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1980 đến nay, không có lấn chiếm đất theo lời trình bày của ông M, vì vậy vợ chồng ông N, bà P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông O trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của bà P, ông không có ý kiến trình bày bổ sung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà R không có ý kiến trình bày.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 đã căn cứ khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 165, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội. *Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M. Buộc ông N, bà P, ông Q và bà O cùng có trách nhiệm giao trả cho ông M và bà Thi diện tích đất 19,75m², thuộc thửa 551, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (bản án có tuyên từ cận đất và có sơ đồ kèm theo). Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định và đo đạc; án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.*

Ngày 11-9-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M vì vợ chồng bà không có lấn chiếm đất của ông M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông M không rút lại đơn khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông M trình bày tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà P, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông N trình bày tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà P, căn cứ khoản 2 Điều 308

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà P, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của bà P là hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Q vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia tố tụng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] Phần đất tranh chấp giữa các bên trong vụ án có diện tích theo đo đạc thực tế là 44,2m² nằm tại vị trí giáp ranh giữa các thửa đất 551 và 552 (của nguyên đơn) với các thửa đất 549 và 550 (của bị đơn), đều thuộc tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Các thửa đất 551 và 552 có nguồn gốc của nguyên đơn nhận chuyển nhượng từ ông X, còn các thửa đất 549 và 550 có nguồn gốc của bị đơn nhận tặng cho từ ông S. Việc chuyển nhượng, tặng cho giữa các bên cũng không có giấy tờ gì để làm cơ sở xác định chính xác diện tích đất cụ thể của mỗi bên nhận chuyển quyền sử dụng đất là bao nhiêu, từ đó cũng không có cơ sở xác định được diện tích đất hiện nay mỗi bên đang thực tế sử dụng là thừa hay thiếu so với diện tích đất lúc nhận chuyển quyền sử dụng đất. Do đó, lời trình bày của các bên về diện tích đất của mình không thể là căn cứ để xác định được bị đơn có lấn chiếm đất của nguyên đơn hay không.

[2] Theo xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A tại Công văn số 67/CV-TNMT ngày 14-5-2019 và Công văn số 105/CV-TNMT ngày 08-8-2019 (BL 245 và 312): Các thửa đất 551 và 552 đã được Ủy ban nhân dân huyện A (nay là thị xã A1) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn đứng tên; thửa đất 551 diện tích cấp giấy là 5.360m² nhưng diện tích đo đạc thực tế là 4.834,4m² thiếu so với diện tích cấp giấy là 525,6m², do trước đây dựa trên nền bản đồ 299 chụp bằng không ảnh máy bay; thửa đất 552 diện tích cấp giấy là 3.740m² nhưng diện tích đo

đặc thực tế là 2.430m² thiếu so với diện tích cấp giấy là 1.310m², do thu hồi đất để nạo vét kênh 30m (kênh W) và cấp dựa trên nền bản đồ 299. Các thửa đất 549 và 550 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, nhưng do ông Y đứng tên sổ mục kê lập năm 1994 nhưng đã chỉnh lại tên bị đơn; thửa đất 549 diện tích trong sổ là 6.550m² nhưng diện tích đo đạc thực tế là 4.725,9m² thiếu so với diện tích trong sổ là 1.824,1m², do thu hồi đất để nạo vét kênh 30m (kênh W), xây dựng lộ và theo nền bản đồ 299; thửa đất 550 diện tích trong sổ là 6.460m² nhưng diện tích đo đạc thực tế là 6.000,5m² thiếu so với diện tích trong sổ là 495,5m², do trước đây dựa trên nền bản đồ 299 chụp bằng không ảnh máy bay. Như vậy, diện tích của phần đất mỗi bên đang thực tế quản lý, sử dụng hiện nay đều thiếu so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đứng tên trong sổ mục kê với các lý do trên. Do đó, diện tích đất của mỗi bên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ mục kê cũng không thể là căn cứ để xác định được bị đơn có lấn chiếm đất của nguyên đơn hay không.

[3] Từ đó, việc xác định bị đơn có lấn chiếm đất của nguyên đơn hay không phải căn cứ vào quá trình thực tế sử dụng đất của các bên. Theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “1. **Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp. Không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách, kể cả trường hợp ranh giới là kênh, mương, hào, rãnh, bờ ruộng. Mọi chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung.**” Các bên thống nhất thừa nhận trước đây nguyên đơn và bị đơn đã có thỏa thuận cắm cột mốc là các trụ đá để làm ranh giới đất giữa các bên; theo hiện trạng các trụ đá hiện nay các bên thừa nhận có 02 trụ đá vẫn giữ nguyên hiện trạng đã cắm trước đây gồm 01 trụ đá có vị trí nằm tại phần tiếp giáp giữa thửa đất 551 của nguyên đơn với thửa đất 550 của bị đơn và 01 trụ đá có vị trí nằm tại phần tiếp giáp giữa thửa đất 552 của nguyên đơn với thửa đất 549 của bị đơn, 02 trụ đá này được cắm sát mé ruộng của bị đơn, toàn bộ cái bờ ruộng chiều rộng 0,4m là thuộc bên nguyên đơn. Tuy nhiên, sau đó vào năm 2016 bị đơn tự ý cắm thêm 02 trụ đá để làm ranh giới đất nhưng không được nguyên đơn đồng ý, nếu 02 trụ đá trên cắm sát mé ruộng của bị đơn thì 02 trụ đá được cắm thêm sau này lại được cắm ngay giữa bờ ruộng của nguyên đơn, lấn qua đất của nguyên đơn chiều ngang 0,2m với diện tích là 19,75m². Việc bị đơn tự ý cắm thêm 02 trụ đá không đúng với ranh giới đất theo sự thỏa thuận trước đây mà không có sự đồng ý của nguyên đơn là hành vi lấn, chiếm ranh giới đất, trái với quy định khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015 nêu trên. Từ cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết buộc bị đơn trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 19,75m² là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ những phân tích nêu trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P là không có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử quyết định căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông M tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông N tại phiên tòa là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng do bà P là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí, nên bà P được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 165, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M. Buộc ông N, bà P, ông O, bà R phải cùng có trách nhiệm giao trả cho ông M, bà Q phần đất diện tích 19,75m², thuộc thửa số 551, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, phần đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp thửa đất số 552 của ông M có số đo 0,07m; Hướng Tây giáp đất ông M có số đo 00m; Hướng Nam giáp thửa đất số 549 và thửa đất số 550 của ông N có tổng số đo 115,48m; Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 551 của ông M có số đo 115,4m. ***(có sơ đồ kèm theo bản án)***

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

2.1. Về chi phí thẩm định và đo đạc 3.435.300đồng: Ông M phải chịu 1.717.650đồng và đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu chi phí này; ông N, bà P phải

cùng chịu 1.717.650đồng. Do ông M đã nộp tạm ứng trước toàn bộ chi phí thẩm định và đo đạc nên ông N, bà P phải cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho ông M 1.717.650đồng.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M phải chịu 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu số 0004648, ngày 10-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, ông M đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu chi phí này. Ông N, bà P được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà P được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.
- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (08);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện A (01);
- Chi cục THADS huyện A (01);
- Lưu: HSYA - VP (02).

Hồ Văn Phụng